

UNIT 1:**LOCAL ENVIRONMENT****A CLOSER LOOK 2****I/ NEW WORDS:**

- artefact /'ɑ:.tə.fækt/	(n) : sự giả tạo
- drumhead /'drəm,hed/	(n) : mặt trống
- pass down	(v) : kế tục
- live on	(v):chịu đựng,sống nhờ vào
- deal with /di:l/	(v) : giải quyết, thực hiện
- close down	(v) : ngưng hoạt động
- face up to /feɪs/	(v) : đương đầu, đối mặt
- get on with	(v) : hợp với nhau
- turn down	(v) : từ chối
- transfer /træns'fɜ:r/	(n) : sự truyền cho
- reject /rɪ'dʒekt/	(v) : ko chấp thuận, bác bỏ
- leaflet /'li:.flət/	(n) : tờ rơi, lá non